TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2023 /HNGĐ-ST.
Ngày 05/01/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp vềnuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Hào và ông Nguyễn Duy Chung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 310/2023/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thị T**, sinh năm 1988

Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Văn T1**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T1 và anh T1 đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:

Chị và anh Đặng Văn T1 được tự do tìm hiểu đã đi đến kết hôn, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y vào ngày 24/11/2007. Sau khi kết hai vợ chồng chung sống tại thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến hay cãi, chửi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

tính tình không hợp nhau, vợ chồng không thống nhất được với nhau về cách làm ăn kinh tế, anh T1 hay đi uống rượu, khi uống rượu về nhiều lần chửi bới, đánh chị, do không chịu đựng được nên đến khoảng năm 2018 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ để ở, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T1 vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T1 đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Triệu Thị T xác định, chị và anh Đặng Văn T1 có 02 con chung là cháu Đặng Thị Hà L, sinh ngày 27/9/2008 và cháu Đặng Phước T2, sinh ngày 11/01/2015, từ khi sống ly thân, hai cháu Đặng Thị Hà L và Đặng Phước T2 ở cùng anh T1, do anh T1 nuôi dưỡng, chị đề nghị giao cả 02 con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đặng Thị Hà L là 1.000.000 đồng/tháng; cấp dưỡng cho cháu Đặng Phước T2 là 1.000.000 đồng/tháng, cả 02 cháu là 2.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu L và cháu T2 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Triệu Thị T xác định, chị và anh Đặng Văn T1 không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai anh Đặng Văn T1 trình bày:

Anh và chị Triệu Thị T được tự do tìm hiểu đã đi đến kết hôn, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y vào ngày 24/11/2007. Sau khi kết hai vợ chồng chung sống tại thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, thời gian đầu không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, đến khoảng năm 2016 khi hai vợ chồng đi làm công ty thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau; đến cuối năm 2018, đầu năm 2019 chị T tự ý bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không về nhà nữa, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị T đến nay đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Đặng Văn T1 xác định, anh và chị Triệu Thị T có 02 con chung là cháu Đặng Thị Hà L, sinh ngày 27/9/2008 và cháu Đặng Phước T2, sinh ngày 11/01/2015, từ khi sống ly thân, hai cháu Đặng Thị Hà L và Đặng Phước T2 ở cùng anh, do anh nuôi dưỡng, anh đề nghị giao cả 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đặng Thị Hà L là 1.000.000 đồng/tháng; cấp dưỡng cho cháu Đặng Phước T2 là 1.000.000 đồng/tháng, cả 02 cháu là 2.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ

tháng 02/2024 cho đến khi cháu L và cháu T2 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đặng Văn T1 xác định, anh và chị Triệu Thị T không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; vắng mặt tại phiên họp; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Tuyên x cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn T1.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung là cháu Đặng Thị Hà L, sinh ngày 27/9/2008 và cháu Đặng Phước T2, sinh ngày 11/01/2015 cho anh Đặng Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Thị Hà L là 1.000.000 đồng/tháng; cấp dưỡng cho cháu Đặng Phước T2 là 1.000.000 đồng/tháng, cả 02 cháu là 2.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu L và cháu T2 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 và anh T1 cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Trích lục kết hôn (Bản sao); Căn cước công dân của đương sự (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (Bản sao); Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn; lấy ý kiến của con chưa thành niên đủ 07 tuổi trở lên; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn M, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; xác minh tại nhà trường.

Chị Triệu Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án, anh Đặng Văn T1 có ý kiến không tiến hành hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Triệu Thị T và anh Đặng Văn T1 kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp; chị T1 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; bị đơn anh Đặng Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Triệu Thị T và anh Đặng Văn T1 kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị T1 đề nghị ly hôn, anh T1 cũng nhất trí ly hôn.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Triệu Thị T và anh Đặng Văn T1 là đúng thực tế, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, trong suốt quá trình sống ly thân hai vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc với nhau và cũng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, cả hai cùng xác định đã không còn tình nghĩa vợ chồng với nhau; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả chị T1 và anh T1 đều nhất trí ly hôn, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T1. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn T1.

[2.2] *Về con chung:*

Chị Triệu Thị T và anh Đặng Văn T1 cùng xác định có 02 con chung là cháu Đặng Thị Hà L, sinh ngày 27/9/2008 và cháu Đặng Phước T2, sinh ngày 11/01/2015, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh T1.

HĐXX xét thấy, quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: Hiện nay anh T1 có chỗ ở, có việc làm và mức thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con chung; quá trình lấy lời khai của các con từ đủ 07 tuổi trở lên cháu Đặng Thị Hà L và cháu Đặng Phước T2 đều có nguyện vọng được ở với anh T1; còn đối với chị Triệu Thị T hiện nay không có chỗ ở cố định nên không đảm bảo các điều kiện để nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị T và anh T cùng đề nghị giao cả 02 con chung cho anh Đặng Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

HĐXX xét thấy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của các con và ưu tiên bảo đảm lợi ích của các con, cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung là cháu Đặng Thị Hà L và cháu Đặng Phước T2 cho anh Đặng Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với ý kiến của các đương sự cũng như ý kiến của các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thị T tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Thị Hà L là 1.000.000 đồng/tháng; cấp dưỡng cho cháu Đặng Phước T2 là 1.000.000 đồng/tháng, cả 02 cháu là 2.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu L và cháu T2 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Anh Đặng Văn T1 cũng nhất trí với ý kiến của chị T1 về mức cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng. Quá trình xác minh tại địa phương và tại nhà trường thấy rằng mức cấp dưỡng như chị T1 và anh T1 thoả thuận là phù hợp với thực tế và điều kiện sinh hoạt, học tập của các cháu, nên cần ghi nhận ý kiến của các đương sự; các đương sự có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, anh Đặng Văn T1 không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" của chị Triệu Thị T và anh Đặng Văn T1.

1. Về hôn nhân: Cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn T1. Quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Đặng Thị Hà L, sinh ngày 27/9/2008 và cháu Đặng Phước T2, sinh ngày 11/01/2015 cho anh Đặng Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị Triệu Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Thị Hà L là 1.000.000đ *(một triệu đồng)*/tháng; cấp dưỡng cho cháu Đặng Phước T2 là 1.000.000đ *(một triệu đồng)*/tháng, cả 02 cháu là 2.000.000đ *(hai triệu đồng)*/tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu Đặng Thị Hà L và cháu Đặng Phước T2 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000000738988, ngày 25/10/2023 Công ty cổ phần T3 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000970 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; chị Triệu Thị T phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Anh Đặng Văn T1 không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Hùng Lợi (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Phạm Tiến Hào – Nguyễn Duy Chung	**Vũ Mạnh Hồng**